

## ÔN TẬP LỊCH SỬ HỌC THUYẾT KINH TẾ

**Câu 1a : So sánh các quan điểm kinh tế khác nhau của các học thuyết .Trọng nông và trọng thương ? NX**

Trọng thương	Trọng nông
- Lưu thông là nguồn gốc tạo ra của cải	- Sản xuất nông nghiệp là lĩnh vực duy nhất tạo ra của cải vật chất
- Tiền là biểu hiện của sự giàu có	- Khối lượng nông sản biểu hiện cho sự giàu có
- Tiền còn là tư bản để sinh lời	- Tiền chỉ là phương tiện kỹ thuật của lưu thông
- Tiền là của cải duy nhất=>tích trữ tiền	- Tiền không là của cải duy nhất=> chống việc tích trữ tiền
- Coi trọng lưu thông xem nhẹ sản xuất	- Coi trọng sản xuất xem nhẹ lưu thông
- Lợi nhuận là kết quả của trao đổi không ngang giá	- Thừa nhận trao đổi ngang giá => phủ nhận lợi nhuận phát sinh trong lưu thông
- Không thấy được vai trò của lao động	- Thấy được vai trò của lao động, lao động tạo ra của cải
- Ủng hộ sự can thiệp của nhà nước	- Chống lại vì sự can thiệp của nhà nước là trái tự nhiên
- Coi trọng ngoại thương hạn chế nhập khẩu, khuyến khích xuất khẩu	- Tự do lưu thông, tự do thương mại
- Nghiên cứu ngoại thương	- Không nghiên cứu ngoại thương mà sản xuất nông nghiệp
- Bảo vệ lợi ích tư bản tư nhân	- Bảo vệ lợi nhuận địa chủ phong kiến
- Mâu thuẫn nằm ở lĩnh vực lưu thông	- Mâu thuẫn thực nằm ở lĩnh vực phân phối

Tóm lại, chủ nghĩa trọng nông đã phê phán chủ nghĩa trọng thương một cách sâu sắc và khá toàn diện, “công lao quan trọng nhất của phái trọng nông là ở chỗ họ đã phân tích tư bản trong giới hạn của tầm mắt tư sản, chính công lao này mà họ đã trở thành người cha thực sự của khoa kinh tế chính trị hiện đại”. Phái trọng nông đã chuyển công tác nghiên cứu về nguồn gốc của giá trị thặng dư từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực sản xuất trực tiếp, như vậy là họ đặt cơ sở cho việc phân tích nền sản xuất TBCN. Họ cho rằng nguồn gốc của cải là lĩnh vực sản xuất không phải lĩnh vực lưu thông và thu nhập thuần túy chỉ được tạo ra ở lĩnh vực sản xuất. Đây là cuộc cách mạng về tư tưởng kinh tế của nhân loại. CNTN nghiên cứu quá trình sản xuất không chỉ quá trình sản xuất cá biệt đơn lẻ...mà quan trọng hơn họ biết nghiên cứu quá trình tái sản xuất của toàn XH, đặt cơ sở cho nghiên cứu mối liên hệ bản chất nền SXTB - một nội dung hết sức quan trọng của kinh tế chính trị. CNTN còn lần đầu tiên nêu tư tưởng hệ thống quy luật khách quan chi phối hoạt động kinh tế mang lại tính khoa học cho tư tưởng kinh tế. Ngoài ra họ đã nêu ra nhiều vấn đề có giá trị cho đến ngày nay : như tôn trọng vai trò tự do của con người, đề cao tự do cạnh tranh, tự do buôn bán,...CNTN thật sự đã có những bước tiến bộ vượt bậc so với CNTT còn quá nhiều hạn chế về lý luận và quan điểm.

**1b) Tân cổ điển và cổ điển :**



	<b>Cổ Điển</b>	<b>Tân Cổ Điển</b>
DH23NH17-Đại học Ngân Hàng TP Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra đời và phát triển ở Châu Âu, từ giữa TK 18-19.</li> <li>- Đối tượng nghiên cứu là lĩnh vực sản xuất.</li> <li>- Cho rằng cung quyết định cầu, cung tạo ra cầu, sản xuất quyết định tiêu dùng.</li> <li>- Sử dụng phương pháp phân tích vi mô, cho rằng quy luật kinh tế khách quan chi phối hoạt động kinh tế.</li> <li>- Ủng hộ tư tưởng tự do kinh tế, chủ trương chống lại sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động kinh tế.</li> <li>- Lao động là yếu tố duy nhất tạo ra giá trị, là nguồn gốc của giá trị, của của cải, của giàu có.</li> <li>- Giá trị hàng hóa do lượng lao động hao phí tương đối cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó quyết định.</li> <li>- Lao động là cái duy nhất, chính xác để đo lường giá trị trao đổi của hàng hóa.</li> <li>- Chưa giải thích được tại sao vật càng khan hiếm thì giá trị trao đổi càng cao.</li> <li>- Giá thị trường chịu sự điều tiết của giá cả tự nhiên.</li> <li>- Giá cả hàng hóa trong lưu thông quyết định số lượng tiền cần thiết trong lưu thông.</li> <li>- Ricardo cho rằng tiền lương là giá cả thị trường của lao động phụ thuộc vào giá cả tự nhiên( giá các TLSH...).</li> <li>- Phủ nhận cuộc đấu tranh đòi tăng lương của người công nhân: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Adam Smith cho rằng tiền lương chỉ có thể tăng trong nền kinh tế tăng trưởng nhanh.</li> <li>+ Ricardo cho rằng lương thấp là điều tự nhiên, lương cao là thảm họa.</li> </ul> </li> <li>- Lợi nhuận là kết quả của việc trả công thấp hơn giá trị.</li> <li>- Phủ nhận sự bóc lột khi cho rằng lợi</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra đời và phát triển ở Tây Âu, Mỹ, vào cuối TK 19- đầu TK 20.</li> <li>- Đối tượng nghiên cứu là lĩnh vực trao đổi, lưu thông lợi ích, tiêu dùng.</li> <li>- Cho rằng cầu quyết định cung, tiêu dùng quyết định sản xuất.</li> <li>- Sử dụng phương pháp phân tích vi mô, kết hợp phạm trù kinh tế với phạm trù toán học.</li> <li>- Ủng hộ tư tưởng tự do kinh tế, chủ trương chống lại sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động kinh tế.</li> <li>- Giá trị không bắt nguồn, không phụ thuộc vào lao động mà phụ thuộc hoàn toàn vào tâm lý chủ quan của con người.</li> <li>- Giá trị của hàng hóa là do sự tương tác giữa tính quan trọng , cấp thiết của nhu cầu và số lượng vật phẩm hiện có quyết định.</li> <li>- Giá trị trao đổi được hình thành do sự đánh giá chủ quan của người mua, người bán về công dụng của hàng hóa.</li> <li>- Giải thích được tại sao vật càng khan hiếm thì giá trị trao đổi càng cao.( dựa trên quy luật ích lợi biên tiệm giảm dần).</li> <li>- Giá thị trường là kết quả sự va chạm giữa giá cung với giá cầu, va chạm giữa cung với cầu.</li> <li>- Giá cả tỉ lệ thuận với khối lượng tiền đưa vào trong lưu thông.</li> <li>- Clark cho rằng người công nhân được tiền lương là sản phẩm biên tế của lao động.(giải thích dựa trên lý luận năng suất biên tế)</li> <li>- Phủ nhận cuộc đấu tranh đòi tăng lương, giảm thất nghiệp của người công nhân. Clark cho rằng công nhân phải chấp nhận tiền lương thấp để có việc làm, muốn tiền lương cao thì có thể chính mình bị sa thải. (lý luận năng suất biên giảm dần)</li> <li>- Bohm Bawerk cho rằng lợi nhuận là khoảng chênh lệch do sự đánh giá chủ quan khác nhau của con người về 2 loại của cải : của cải hiện tại (TLTD) được đánh giá cao, của cải tương lai (TLSX) được đánh giá thấp.</li> <li>- Xã hội tư bản là công bằng, nhà tư bản</li> </ul>

### **Nhận xét:**

Học thuyết kinh tế tân cổ điển kế thừa nền tảng tư tưởng kinh tế của trường phái cổ điển, ủng hộ kinh tế tự do và chống lại sự can thiệp của nhà nước vào hoạt động kinh tế, tôn trọng quan điểm khách quan. Tuy nhiên cũng đã cải cách khắc phục một số nhược điểm, một số tư tưởng của trường phái cổ điển để thích ứng với các điều kiện mới:

- Nghiên cứu nhu cầu, tâm lý chủ quan của con người.
- Thực tế hóa các tư tưởng của trường phái cổ điển, thừa nhận bất biến.
- Kết hợp phạm trù kinh tế với phạm trù toán học, đưa ra các khái niệm mới như hàm cung, hàm cầu,..
- Phát triển các lý thuyết Ích lợi biên tế, thuyết Giá trị biên tế, lý thuyết giá trị, lý luận về năng suất biên tế, lý thuyết tiền tệ.

### **1.c. So sánh các quan điểm kinh tế khác nhau của Trường phái Keynes và Cổ điển :**

<u><b>Cổ điển</b></u>	<u><b>Keynes</b></u>
<p>-Ra đời và phát triển ở Châu Âu từ giữa thế kỷ 18- cuối thế kỷ 19, là hệ tư tưởng kinh tế tư sản thời kỳ đầu của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh.</p> <p>→ Bảo vệ lợi ích Tư sản</p>	<p>-Ra đời vào những năm 30 của thế kỷ 20 trong bối cảnh độc quyền phát triển nhanh( suy thoái, thất nghiệp, lạm phát diễn ra phổ biến) và kinh tế tư bản rơi vào đại khủng hoảng kinh tế( 29-33).</p> <p>→ Bảo vệ nền kinh tế, chống lại suy thoái và thất nghiệp.</p>
<p>- Ủng hộ cơ chế tự điều tiết của nền kinh tế, chống lại sự can thiệp của nhà nước</p>	<p>-Cho rằng nền kinh tế luôn ở trạng thái khiếm dụng nên cần có sự can thiệp của nhà nước ở tầm vĩ mô và các CS kích cầu.</p>
<p>-Cung giữ vai trò quyết định, cung tạo ra cầu và cung quyết định cầu.</p> <p>→ Quan tâm đến tổng cung và các yếu tố ảnh hưởng đến tổng cung</p>	<p>-Cầu là nhân tố quyết định, cầu tạo ra cung và cầu quyết định cung.</p> <p>→ Quan tâm đến tổng cầu và các yếu tố ảnh hưởng đến tổng cầu như: thuế, chi tiêu của chính phủ, tiêu dùng và tiết kiệm của hộ gia đình, đầu tư...</p>

<p>-Trong nền kinh tế hiện đại, giá cả và tiền lương có tính linh hoạt.</p> <p>→ Biến động của cầu chỉ tác động đến giá cả và tiền lương, không tác động đến sản lượng, cung...nên mọi sự mất cân đối trên thị trường chỉ là tạm thời và sẽ nhanh chóng được khắc phục bằng cơ chế thị trường tự do.</p>	<p>-Trong nền kinh tế hiện đại, giá cả và tiền lương có tính cứng.</p> <p>→ Biến động của cầu chỉ tác động đến cung hoặc sản lượng, không tác động đến giá cả và tiền lương nên suy thoái và thất nghiệp là thường xuyên và dai dẳng vì những biến động làm giảm cầu luôn xảy ra.</p>
<p>- Sử dụng phương pháp phân tích vĩ mô: nghiên cứu kinh tế dưới hình mẫu kinh tế trừu tượng, chung chung, bất biến...</p> <p>- Sử dụng phương pháp trừu tượng hóa, phê phán, quy nạp để phân tích kinh tế.</p> <p>-Nghiên cứu các mối quan hệ bản chất và tìm ra các quy luật của nền sản xuất tư bản.</p>	<p>-Sử dụng phương pháp phân tích vĩ mô: phân tích cân bằng tổng quát với đối tượng nghiên cứu là các tổng lượng lớn.</p> <p>-Sử dụng phương pháp phân tích toán học: mối liên hệ giữa các tổng lượng được biểu hiện bằng tương quan hàm.</p> <p>-Sử dụng phương pháp phân tích tâm lý xã hội ( số đông) để lý giải các vấn đề kinh tế như: khuynh hướng tiêu dùng, đầu tư, tiết kiệm...</p>
-Khảo hướng nghiên cứu trong dài hạn.	-Khảo hướng nghiên cứu trong ngắn hạn.
-Đi sâu vào phân tích bản chất bên trong.	-Chỉ phân tích hiện tượng kinh tế bên ngoài mà không đi sâu vào phân tích bản chất bên trong.
-Nghiên cứu kinh tế chính trị như là một môn khoa học trừu tượng.	-Tách chính trị, chỉ nghiên cứu kinh tế.
-Tách lý thuyết tiền tệ thành một lý thuyết riêng.	-Coi trọng lý thuyết tiền tệ, là một phần cấu lý thuyết chung.
-Ủng hộ lương thấp, phủ nhận cuộc đấu tranh đòi tăng lương của người công nhân.	-Chống lại việc cắt giảm tiền lương.
-Khuyến khích tiết kiệm (cho rằng muốn có tư bản thì phải tiết kiệm), hạn chế tiêu dùng.	-Khuyến khích tiêu dùng kể cả tiêu dùng hoang phí vì làm giảm suy thoái và thất nghiệp, lên án tiết kiệm vì cho rằng đó là nguyên nhân của suy thoái và thất nghiệp.
-Ủng hộ chính sách tài chính cân bằng, ủng hộ chi ngân sách mang lại lợi ích xã hội, không ủng hộ bội chi.	-Ủng hộ bội chi ( Tăng tiêu dùng của chính phủ, chi tiêu mở rộng quy mô đầu tư kinh tế nhà nước và phát triển kinh tế nhà nước, sử dụng ngân sách để kích thích đầu tư tư nhân...) để chống suy thoái, thất nghiệp.
-Chống lại chính sách lạm phát.	-Cho rằng lạm phát có kiểm soát là liều thuốc

	hữu hiệu giúp nền kinh tế ốm yếu trở nên mạnh mẽ và không có nguy hại. Nhà nước thực hiện lạm phát có kiểm soát để kích thích kinh tế tăng trưởng, chống suy thoái, thất nghiệp.
--	--

Nhận xét:

Học thuyết Keynes ra đời, bên cạnh những hạn chế còn tồn tại (như: khi phân tích mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản chưa đi sâu vào phân tích bản chất bên trong, phân tích dựa vào yếu tố tâm lý mà không dựa vào các quy luật khách quan, đánh giá quá cao và sùng bái vai trò điều tiết vĩ mô kinh tế của nhà nước trong ngắn hạn mà bỏ qua vai trò điều tiết kinh tế vĩ mô ngắn hạn của cơ chế thị trường, quan niệm tin tưởng giá cả và tiền lương có tính cứng trong nền kinh tế hiện đại và coi tổng cung là nhân tố thụ động đi theo sự biến đổi của tổng cầu, cũng như chưa quan tâm đến biến động dài hạn của nền kinh tế và chưa đánh giá đúng đắn hậu quả của lạm phát) nhưng học thuyết Keynes ra đời được xem là một cuộc cách mạng trong kinh tế học phương Tây cả về lý luận (sự ra đời kinh tế học vĩ mô hiện đại) lẫn thực tiễn (xuất hiện mô hình CNTB ĐQNN) và nó đã khẳng định vai trò điều tiết vĩ mô nền kinh tế của nhà nước.

Ảnh hưởng của Keynes ở Mỹ ngày nay đã giảm nhiều, tuy nhiên ở Châu Âu và có lẽ đặc biệt là ở Châu Á, học thuyết của Keynes vẫn rất được coi trọng.

**Câu 1d. So sánh các quan điểm kinh tế khác nhau về lý luận giá trị, lý luận phân phối và TMQT của A.Smith và Ricardo. Nhận xét?**

**a) So sánh:**\* Khác :

	A.SMITH	RICARDO
<b>Về lý luận giá trị</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Lao động là thước đo duy nhất chính xác giá trị HH, lao động là thực thể của giá trị.</li> <li>-Vật nào có GTSD càng cao thì có GT trao đổi càng thấp.</li> <li>-Khẳng định GTSD tách rời GT trao đổi.</li> <li>-Nhầm lẫn giữa lao động sống( ĐN 1) với lao động quá khứ (ĐN 2).</li> <li>-GTHH= lương lao động có thể mua hoặc trao đổi được bằng HH đó.</li> <li>-GTHH= <math>v+m</math></li> <li>-Giá cả tự nhiên là biểu hiện bằng tiền của giá trị</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Giá trị do hao phí lao động quyết định tiền lương cao hay thấp không quyết định GTHH.</li> <li>-Vật càng khan hiếm thì GT trao đổi càng cao.</li> <li>-GTSD( ích lợi) không phải là thước đo của GT trao đổi.GTSD ko quyết định GT trao đổi.</li> <li>-Thấy được lao động tạo ra giá trị trong đó có sự phối hợp giữa lao động sống và lao động quá khứ.</li> <li>-GThh là do lao động của người sản xuất quyết định, phủ định định nghĩa 2 của AS</li> <li>-Giá trị HH=<math>c_1+v</math> ( <math>c_1</math> :lao động vật hóa: máy móc thiết</li> </ul>

		bị...) -GCTN do lượng lao động hao phí quyết định, là biểu hiện của GT trao đổi
<b>Về lý luận phân phối</b>	-Tiền lương là giá cả của lao động. -Tiền lương phụ thuộc vào giá cả các tư liệu sinh hoạt cần thiết và lượng cầu lao động trên thị trường. -Ủng hộ lương cao và chống lại lương thấp. -Cho rằng lương thấp là thảm họa KT, lương cao là tốt đẹp. -Đứng về phía công nhân. -Tỷ suất lợi nhuận giảm khi tư bản đầu tư tăng lên. -Phủ nhận địa tô là bóc lột khi cho rằng địa tô là kết quả của tự nhiên. -Địa tô là khoản khấu trừ vào sản phẩm lao động, là lao động không được trả công cho công nhân.	-Tiền lương là giá cả thị trường của lao động. -Tiền lương phụ thuộc vào: điều kiện lịch sử, trình độ phát triển KT...của quốc gia. -Ủng hộ lương thấp và chống lại lương cao. -Lương cao là thảm họa KT, lương thấp là tự nhiên. -Đứng về phía chủ tư bản. -Tỷ suất lợi nhuận giảm là xu hướng tăng tiền lương. -Dựa vào lí luận giá trị để phủ nhận sự bóc lột. -Địa tô là 1 bộ phận của giá trị sản phẩm lao động được dùng để trả cho địa chủ.
<b>Thương mại quốc tế</b>	-TMQT không có lợi trong trường hợp quốc gia không có lợi thế tuyệt đối trong tất cả các sản phẩm.	-TMQT cùng có lợi.

## b) Nhận xét

Tiến bộ và hạn chế của Ricardo so với A.Smith

\*Tiến bộ:

- R là nhà lí luận triệt để của thuyết giá trị lao động. R đã bổ sung thuyết giá trị lao động của A, nhận thấy 1 số khiếm khuyết trong thuyết “giá trị tự nhiên” của A. Theo A việc tăng giá của 1 yếu tố sẽ gia tăng giá hàng hóa do yếu tố ấy tạo ra. Đối với R sự thay đổi trong giá trị phải nhiều hơn sự thay đổi quá mức trên danh nghĩa.
- R phát triển quan điểm của A về sự phân biệt giữa gtsd và gttđ.
- Phân biệt được giá cả tự nhiên và giá cả thị trường.
- Nhận ra lao động tạo ra giá trị là lao động không kể đến hình thái của nó.
- Công lao của R là đã nêu ra vai trò độc quyền sở hữu ruộng đất trong việc chiếm hữu địa tô và sự tồn tại của địa tô phụ thuộc vào lợi nhuận.


\*Hạn chế

- Phân biệt được giá trị tương đối và giá trị thực tế của hh nhưng sai lầm khi cho rằng đối với hh thông thường thì giá trị của nó do LĐ quyết định còn đối với hh khan hiếm thì do gtsd của nó quyết định.
- Chưa thấy được sự hoạt động của quy luật giá trị.
- Giải thích lợi nhuận căn cứ vào NSLD cho do là quy luật vĩnh viễn của mọi nền sx.s
- Chưa nhận ra tính 2 mặt của lao động sản xuất HH.
- Ông coi giá trị HH là phạm trù vĩnh viễn.

- Chỉ phân tích mặt lượng của giá trị, chưa phân tích mặt chất của giá trị, chưa phân tích hình thái của giá trị (giá trị cũ, giá trị mới...)
- Gắn lí luận địa tô với qui luật độ màu mỡ đất đai ngày càng giảm.
- Phủ nhận địa tô tuyệt đối và coi địa tô là vĩnh viễn.
- Thấy địa tô chênh lệch 1, chưa đề cập địa tô chênh lệch 2.

**Câu 2 :Giải thích quan điểm của Ricardo: "Khi năng suất lao động tăng thì tiền lương giảm và lợi nhuận tăng." . Anh chị nhận định thế nào về quan điểm trên.Giải thích. Anh/chị cần phải dựa vào cơ sở kinh tế nào thì có thể làm giảm được mâu thuẫn giữa tiền lương và lợi nhuận. Giải thích.**

Ricardo xem xét tiền lương trong mối quan hệ với giai cấp tư sản. Lợi nhuận là phần giá trị thừa ra ngoài tiền công. Khi xã hội phát triển tiến bộ khoa học kĩ thuật dẫn đến năng suất tăng đồng thời chi phí sản xuất giảm dẫn đến giá cả hàng hóa giảm xuống. Mà tiền lương theo ông phụ thuộc vào giá cả tự nhiên của lao động và quan hệ cung cầu LĐ, nó chỉ lên xuống xung quanh giá cả tự nhiên của lao động trong khi đó giá cả tự nhiên của lao động do giá cả tư liệu sinh hoạt thiết yếu quyết định. Nên một khi giá cả hàng hóa thiết yếu giảm xuống thì buộc tiền lương giảm xuống. Theo ông tiền lương chỉ nên ở mức tối thiểu cần thiết vì lương cao là thảm họa kinh tế và người công dân không nên than phiền vì lương thấp là quy luật chung của tự nhiên.

Mức NS  > mức tăng dân số (khi tư liệu tư bản phát triển, KHKT phát triển) dẫn đến mức tăng của của cải XH lớn hơn mức tăng dân số. Điều này dẫn đến Cầu LĐ > Cung LĐ nên tiền lương cao hơn mức tối thiểu nhưng tiền lương cao lại làm dân số tăng lên tác động ngược trở lại lượng cung LĐ làm cung LĐ tăng dẫn đến tiền lương thấp.

Lợi nhuận theo ông là 1 bộ phận của giá trị sản phẩm LĐ, là khoản dôi ra so với tiền lương, là một bộ phận không được trả công của công nhân. Lợi nhuận chính là thành quả của nhà tư bản có được từ việc tăng tư liệu tư bản. Giá trị do công nhân tạo ra =  $V + M$ , khi  $V$  tăng thì buộc  $m$  phải giảm xuống như vậy LN luôn đối lập với tiền lương. Khi năng xuất LĐ tăng lên làm cho tiền lương giảm thì lợi nhuận tăng, hơn nữa NSLĐ tăng thì một số lượng hàng hóa lớn được tăng thêm lớn hơn so với tiền lương được trả dẫn đến lợi nhuận tăng. Tóm lại theo ông khi NSLĐ tăng thì tiền lương giảm và lợi nhuận tăng. Như vậy TS muốn làm giàu thì phải biến cùng hóa LĐ.

Khi năng suất lao động tăng thì tiền lương giảm và lợi nhuận tăng. Theo quan điểm trên của Ricardo thì lợi nhuận sẽ là 1 bộ phận của giá trị sản phẩm lao động, là khoản dôi ra của tiền lương, lợi nhuận là bộ phận lao động không được trả công của công nhân.

=> không ủng hộ vì lợi nhuận là kết quả của việc trả công thấp hơn giá trị, nó không giải thích được lợi nhuận trên cơ sở nguyên tắc ngang giá. Thực ra lương thấp là do CNTB muốn nên họ đã tìm cách bẻ gãy lập trường này bằng cách cho rằng tiền lương thấp là tự nhiên => như vậy bất công đối với người công nhân khi năng suất lao động của họ tăng lên họ nên được hưởng lương cao nhưng số tiền này lại chảy vào túi các nhà tư bản.

**Giải quyết mâu thuẫn bằng cách tăng năng suất lao động. (thầy mình bảo thế )**

**Câu 3 :Clark phủ nhận cuộc đấu tranh đòi tăng lương chống thất nghiệp của người công nhân dựa vào cơ sở kinh tế nào? Giải thích. Theo anh/chị cần phải**

**dựa vào cơ sở kinh tế nào để có thể tăng lương giảm thất nghiệp cho người công nhân ? Giải thích.**

- Ông dựa vào lý luận về năng suất biên tế để chống lại cuộc đấu tranh đòi tăng lương chống thất nghiệp của người công nhân. Lý luận về năng suất biên tế nói rằng trong điều kiện các yếu tố sản xuất khác không đổi thì năng suất của nhân tố tăng thêm sẽ giảm dần. Như vậy, nếu các yếu tố sản xuất khác không đổi thì năng suất lao động của người công nhân tăng thêm sẽ giảm dần. Người công nhân thuê cuối cùng là người công nhân có năng suất biên tế thấp nhất. Năng suất biên tế quyết định năng suất chung của các công nhân trước đó.

- Vậy năng suất biên tế quyết định tiền lương của người công nhân.

+ Để giảm thất nghiệp => người công nhân phải chấp nhận lương thấp => không thể tăng lương cho người công nhân.

+ Số lượng công nhân sử dụng tăng phải có hạn, không thể tuyển thêm do do thất nghiệp là tất yếu.

=> Đấu tranh chống thất nghiệp của người công nhân là không có căn cứ.

- Nếu người công nhân muốn tiền lương tăng cao => năng suất biên tế của công nhân tăng => số lượng công nhân sử dụng phải ít đi => tăng thất nghiệp

Vậy theo Clark, công nhân phải chấp nhận tiền lương thấp để có việc làm, đồng thời ông phủ nhận cuộc đấu tranh đòi tăng lương của người công nhân.

- Theo Clark : cùng một lượng tư bản > để giảm thất nghiệp > tăng số lượng công nhân sử dụng => năng suất biên tế công nhân giảm => tiền lương giảm thấp => mức lương tối thiểu, nếu không người công nhân không làm việc.

**Để tăng lương giảm thất nghiệp : mở rộng qui mô sản xuất. (thầy bảo luôn)**

**Câu 4 : Giải thích Adam Smith và David Ricardo đã phủ nhận cuộc đấu tranh đòi tăng lương của người công nhân như thế nào ? Anh/ Chị có đồng ý với luận điểm trên không ? Nếu không theo anh/chị tiền lương của người công nhân cần phải dựa vào cơ sở kinh tế nào ? Giải thích.**

a) Theo Adam Smith :

- Adam Smith cho rằng lương thấp là thảm họa kinh tế, lương cao là tốt đẹp nhưng ông chống lại cuộc đấu tranh đòi tăng lương của người công nhân.

- Trong nền kinh tế phát triển nhanh:

- Qui mô tư bản (QMTB) tăng > QMSX tăng > lượng cầu lao động tăng > tiền lương tăng cao hơn mức tối thiểu

=> chỉ có thể tăng tiền lương khi nền kinh tế phát triển nhanh.

- Trong nền kinh tế trì trệ, suy thoái : QMTB giảm > QMSX giảm > lượng cầu lao động giảm > tiền lương giảm thấp dưới mức lương tối thiểu > khi nền kinh tế trì trệ và suy thoái thì tiền lương được trả thấp.

=> Dựa vào lý giải trên ông phủ nhận cuộc đấu tranh đòi tăng lương của người công nhân vì tiền lương chỉ có thể tăng trong nền kinh tế tăng trưởng nhanh.

Tôi không đồng ý với lý luận này vì :

- AS chưa hiểu được bản chất của tiền lương.

- Ông chưa thấy sự khác nhau về tiền lương trong nền kinh tế hàng hóa giản đơn và trong nền kinh tế hàng hóa tư bản.

+ Trong nền KTHH giản đơn: giá SP lao động = tiền lương => tiền lương là giá cả lao động.

+ Trong nền KTHH TB : giá trị SP lao động > tiền lương => tiền lương không là giá cả lao động.

- Ông lầm lẫn khi cho tiền lương là nguồn gốc hình thành giá trị.

b) Theo David Ricardo:

- Ông chống lại cuộc đấu tranh đòi tăng lương của người công nhân vì ông này cho rằng : lương thấp là tự nhiên, lương cao là thảm họa.

- Ông lý giải về điều này như sau :

+ Ở điều kiện sản xuất bình thường

- Mức tăng năng suất < mức tăng dân số

=> mức tăng của cải xã hội < mức tăng dân số

=> cung lao động > cầu lao động => Lao động thừa => tiền lương giảm dưới mức tối thiểu

=> Lương thấp là tự nhiên.

+ Ở điều kiện sản xuất đặc biệt thuận lợi ( tích lũy tư bản tăng - có tiến bộ kỹ thuật)

- Mức tăng năng suất > mức tăng dân số

=> mức tăng của cải xã hội > mức tăng dân số

=> cầu lao động > cung lao động => tiền lương tăng cao hơn mức tối thiểu nhưng tiền lương cao làm dân số tăng => cung lao động tăng

=> tiền lương giảm thấp.

Vậy lương thấp là tự nhiên, người công nhân không nên than phiền.

- Ông cũng lo ngại xu hướng tăng tiền lương là thảm họa kinh tế. Nếu tiền lương tăng => lợi nhuận giảm => tích lũy tư bản giảm => QMSX giảm => kìm hãm SX => thảm họa kinh tế.

Tôi không đồng ý với quan điểm này vì : DR đã có sự nhầm lẫn giữa dân số với số người lao động. Tiền lương của công nhân nên dựa vào : thuyết giá trị lao động của CN Mác

- ĐN tiền lương theo Mác

- Các yếu tố ảnh hưởng tới tiền lương.

Thành viên DH23NH17 tham gia soạn tài liệu :

- 1) Huỳnh Thị Ánh Diệu
- 2) Trần Hương Lan
- 3) Đoàn Ngọc Anh Đào
- 4) Thái Thị Ngọc Anh
- 5) Trần Thanh Quế Trân
- 6) Trịnh Trần Mai Anh Ni